

BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

■ TS. NGUYỄN XUÂN QUANG *

Tóm tắt: Bài viết bàn về vấn đề bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, từ đó chỉ ra những vấn đề cần hoàn thiện trong chế định bảo hộ quyền tác giả.

Abstract: The article discusses the issue of copyright protection under Vietnam's intellectual property law and international treaties to which Vietnam is a member, thereby pointing out issues that need to be completed in the copyright protection institution.

1. Pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả

1.1. Loại hình tác phẩm được bảo hộ

Quyền tác giả là quyền của cá nhân tổ chức đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Theo Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 - sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Luật Sở hữu trí tuệ), thì đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, cụ thể: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu (Điều 14).

Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 1 và

khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác. Tuy nhiên, không phải bất cứ tác phẩm nào cũng được coi là đối tượng bảo hộ của quyền tác giả. Điều 15 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các đối tượng không được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả bao gồm: Tin tức thời sự thuần túy đưa tin¹; văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó²; quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu...

Ngoài ra, các tác phẩm có nội dung đồi trụy, trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc phòng hay những tác phẩm có nội dung chống phá Nhà nước đều không được bảo hộ. Như vậy, tác phẩm chỉ được bảo hộ khi đảm bảo đầy đủ hai yếu tố là tính sáng tạo và được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định.

1.2. Nội dung quyền tác giả

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân chia thành quyền nhân thân không thể chuyển giao và quyền có thể chuyển giao, quyền nhân



thân không thể chuyển giao được bảo hộ vô thời hạn và tồn tại vĩnh viễn cùng với tác phẩm (Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ). Trong các quyền nhân thân không thể chuyển giao, thì quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả được coi là quan trọng nhất và trong thực tiễn nó cũng hay bị xâm phạm nhất.

Cụm từ "gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả" có thể làm cho khoản 4 Điều 19 được hiểu là nếu một người thực hiện hành vi sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm của người khác nhưng lại chứng minh được là hành vi đó không gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả hoặc chứng minh là hành vi đó đã làm cho tác phẩm "hay" lên thì không vi phạm. Tuy nhiên, Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ liệt kê các hành vi được xem là xâm phạm quyền tác giả mà không đề cập đến yếu tố hệ quả. Do đó, chỉ cần thực hiện một hành vi quy định tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ thì hành vi đó được xem là xâm phạm quyền tác giả mà không cần xét đến liệu nó có làm phương hại đến chủ thể có quyền hay không?

1.3. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả và chế tài xử lý

Hành vi trái pháp luật là hành vi thực hiện không đúng quy định của pháp luật như không làm việc mà pháp luật yêu cầu, làm việc mà pháp luật cấm hoặc tiến hành hoạt động vượt quá giới hạn, phạm vi cho phép của pháp luật³. Chủ sở hữu được độc quyền sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ cũng như chuyển giao tài sản này cho chủ thể khác để thu lợi hợp pháp trong thời hạn bảo hộ tác phẩm đó (Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ). Lý luận về hành vi xâm phạm dựa trên sự khai thác bất hợp pháp, tức là sử dụng tài sản của người khác (ở đây là những quyền thuộc độc quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả⁴) mà không được phép, không tôn trọng quyền của chủ sở hữu. Điều 28 Luật

Sở hữu trí tuệ quy định các hành vi xâm phạm quyền tác giả bao gồm: Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; mạo danh tác giả; công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả; công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó; sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả... Việc liệt kê này nhằm tạo điều kiện để các nhà thực thi pháp luật thuận tiện hơn trong việc xác định hành vi vi phạm, nhưng nếu xuất hiện các hành vi khác không nằm trong sự liệt kê này thì sẽ giải quyết như thế nào?

Pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng trao cho chủ sở hữu một độc quyền có giới hạn trong việc khai thác thành quả sáng tạo của họ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo, đồng thời để công chúng tiếp cận những sản phẩm trí tuệ sau khi thời hạn nắm giữ độc quyền chấm dứt⁵. Xâm phạm các độc quyền này là xâm phạm quyền tác giả, mà chủ yếu là các quyền tài sản liên quan đến khai thác, sử dụng, chuyển giao tác phẩm⁶. Mặc dù, Luật Sở hữu trí tuệ đã được ban hành hơn 10 năm, trước đó những vấn đề về bảo hộ quyền tác giả cũng được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự và một số pháp lệnh, nghị định nhưng có thể nói, hành vi xâm phạm quyền tác giả hiện nay vẫn còn phổ biến. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó phải kể đến việc người dân chưa thực sự có ý thức tôn trọng quyền tác giả. Trên thực tế, hành vi sao chép tác phẩm bất hợp pháp, sử dụng tác phẩm mà không xin phép, không trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu diễn ra rất thường xuyên và phổ biến. Bên cạnh đó, chính chủ thể quyền là tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả cũng chưa thực sự ý thức tốt trong việc tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong một số trường hợp, chủ thể quyền không nắm rõ các quy định pháp luật nên có xu hướng e ngại trong việc khởi kiện theo thủ

tục tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam

- Trách nhiệm dân sự: Về nguyên tắc, quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng là một quyền dân sự về tài sản, vì vậy khi quyền này bị xâm phạm chủ sở hữu quyền có thể áp dụng những quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để khởi kiện. Theo quy định Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015, người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. Tuy nhiên, quyền sở hữu trí tuệ có những đặc thù riêng đó là tài sản vô hình vì vậy cơ chế bảo vệ cũng có những đặc thù riêng được quy định trong luật chuyên ngành. Khoản 6 Điều 203 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì nguyên đơn phải chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 205 của Luật này". Như vậy, pháp luật dân sự và sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định căn cứ để yêu cầu bồi thường thiệt hại bao gồm: Có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, có thiệt hại xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại thực tế.

Đối với chế định quyền tác giả, hành vi xâm phạm có thể kể đến bao gồm các hành vi được liệt kê tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ. Khi một chủ thể thực hiện một, một số hành vi được quy định tại điều này, chủ thể đó được xem là người có hành vi xâm phạm quyền tác giả. Khi đó, căn cứ tiếp theo sẽ được xem xét để xác định có hay không trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ thể vi phạm.

Theo Điều 205 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thiệt hại bao gồm thiệt hại vật chất và thiệt hại về tinh thần. Luật Sở hữu trí tuệ cũng xác định hai loại thiệt hại như

trên, theo đó: (i) Thiệt hại vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. (ii) Thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng (Điều 204). Nghĩa vụ chứng minh các thiệt hại thực tế xảy ra thuộc về nguyên đơn - chủ thể cho rằng quyền tác giả của mình bị chủ thể khác xâm phạm.

Sau khi xác định được có vấn đề bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, chủ thể cho rằng quyền tác giả của mình bị xâm phạm phải có nghĩa vụ chứng minh mức bồi thường thiệt hại hợp lý để yêu cầu Tòa án xem xét. Mức bồi thường thiệt hại được xác định trên cơ sở các tổn thất thực tế mà chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải chịu do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra (khoản 2 Điều 204 Luật Sở hữu trí tuệ). Mức bồi thường thiệt hại có thể là thu nhập bị giảm sút của chủ thể bị xâm phạm, lợi nhuận mà chủ thể xâm phạm thu được, giá chuyển giao quyền tác giả hoặc mức bồi thường có thể được Tòa án ấn định tùy vào thiệt hại nhưng không quá 500 triệu đồng, đối với thiệt hại về tinh thần, mức bồi thường sẽ tùy thuộc vào việc chứng minh thiệt hại nhưng sẽ dao động từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

Với nguyên tắc thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, pháp luật Việt Nam ghi nhận quyền chứng minh mức thiệt hại của chủ thể có quyền. Khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền tác giả của mình, chủ thể có quyền có quyền chứng minh những thiệt hại thực tế mà mình gánh chịu và yêu cầu Tòa án xem xét quyết định. Tuy nhiên, nếu chủ thể có quyền không xác định được mức thiệt hại hoặc không thể xác định được thì Tòa án sẽ tự đưa ra mức bồi thường thiệt hại dựa vào căn cứ chứng minh thiệt hại của chủ thể

có quyền. Tuy nhiên, đối với thiệt hại vật chất, giới hạn để Tòa án đưa ra mức bồi thường thiệt hại là 500 triệu đồng. Còn đối với thiệt hại về tinh thần, mức thiệt hại cụ thể sẽ từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Ngoài ra, bên có quyền có thể chứng minh và yêu cầu bên xâm phạm thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư.

Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ còn quy định các hình thức trách nhiệm pháp lý khác đối với chủ thể có hành vi xâm phạm quyền tác giả, bao gồm: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Các biện pháp này góp phần bảo vệ quyền tác giả, khôi phục những thiệt hại, tổn thất mà chủ thể có quyền phải gánh chịu bởi hành vi xâm phạm.

- Trách nhiệm hình sự: Cá nhân và pháp nhân thương mại khi không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện một trong các hành vi như: (i) Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; (ii) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam thì bị xử lý theo quy định tại Điều 225 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Bảo hộ quyền tác giả theo một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

2.1. Công ước Berne⁷

Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (Công ước Berne) được ký tại Bern (Thụy Sĩ) năm 1886. Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Công ước Berne ngày 26/10/2004.

Theo khoản 1 Điều 2 Công ước Berne, các đối

tượng được bảo hộ bởi Công ước bao gồm tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, tập in nhỏ và các bản viết khác, các bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm cùng loại; các tác phẩm kịch, hay nhạc kịch, các tác phẩm hoạt cảnh và kịch câm, các bản nhạc có lời hay không lời...

Điều 5 Công ước Berne quy định nguyên tắc đối xử giữa các quốc gia về việc bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, theo đó những tác phẩm được Công ước này bảo hộ, các tác giả được hưởng quyền tác giả ở các nước Liên hiệp không phải là quốc gia gốc của tác phẩm, những quyền do luật của nước đó dành cho công dân của mình trong hiện tại và trong tương lai cũng như những quyền mà Công ước này đặc biệt quy định. Việc hưởng và thực hiện các quyền này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục nào; việc hưởng và thực hiện này hoàn toàn độc lập không tùy thuộc vào việc tác phẩm có được đăng ký hay không ở quốc gia gốc của tác phẩm. Do đó, ngoài những quy định của Công ước này, mức độ bảo hộ cũng như các biện pháp khiếu nại dành cho tác giả trong việc bảo hộ quyền của mình sẽ hoàn toàn do quy định của luật pháp của nước công bố bảo hộ tác phẩm đó.

Điều 9 Công ước Berne quy định: "Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp, trong vài trường hợp đặc biệt, có quyền cho phép sao in những tác phẩm nói trên, miễn là sự sao in đó không phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm hoặc không gây thiệt hại bất hợp lý đến những quyền lợi hợp pháp của tác giả" và Điều 10 quy định: "Được coi là hợp pháp những trích dẫn rút từ một tác phẩm đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp, miễn là sự trích dẫn đó phù hợp với những thông lệ đúng đắn và không vượt quá mục đích trích dẫn, kể cả những trích dẫn các bài báo và tập san định kỳ dưới hình thức điểm báo".

2.2. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên

Thái Bình Dương (CPTPP)⁸

(i) Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả theo CPTPP

CPTPP không liệt kê cụ thể hành vi nào được xem là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên, các điều khoản của Hiệp định thể hiện bản chất của hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà các bên tham gia hiệp định đã thống nhất. Điều 18.76 CPTPP quy định: "Mỗi bên phải quy định về đơn yêu cầu đình chỉ thông quan, hoặc giữ, bất kỳ hàng hóa nào bị nghi ngờ là giả mạo nhãn hiệu hoặc mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn hoặc sao lậu quyền tác giả, được nhập khẩu vào lãnh thổ của bên đó", theo đó, hàng hóa sao lậu quyền tác giả là hàng hóa được sao chép không được sự đồng ý của chủ thể quyền hoặc người được chủ thể quyền ủy quyền tại nước sản xuất và được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp từ sản phẩm mà việc tạo ra bản sao của sản phẩm đó sẽ cấu thành hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan theo luật của bên quy định thủ tục theo mục này. Như vậy, với quy định này có thể thấy, CPTPP quy định hành vi giả mạo quyền tác giả để tạo ra bản sao là hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan bất kể mục đích của hành vi sao lậu này phi thương mại hay không.

Ngoài ra, Hiệp định cũng quy định quyền cấm hoặc cho phép chủ thể khác sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối đối với quyền tác giả của chủ thể có quyền, cụ thể, Điều 18.59 CPTPP quy định mỗi bên phải quy định cho tác giả độc quyền cho phép hoặc cấm truyền đạt tới công chúng tác phẩm của mình, bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc phổ biến đến công chúng tác phẩm của mình theo cách mà công chúng có thể tiếp cận các tác phẩm này từ địa điểm và tại thời điểm do chính họ lựa chọn.

Như vậy, có thể hiểu, hành vi sử dụng quyền tác giả mà không được sự cho phép của chủ thể có quyền thì được xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả theo tinh

thần của CPTPP. Trong trường hợp tác giả của tác phẩm là bản ghi âm và có cả người biểu diễn hoặc nhà sản xuất thì việc sao chép chỉ được phép khi có cả sự chấp thuận từ tất cả những người có quyền, việc không nhận được cho phép của một bên cũng được xem là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 18.61).

(ii) Áp dụng chế tài để xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả theo CPTPP

- Trách nhiệm dân sự

Khoản 3 Điều 18.74 CPTPP quy định: "Mỗi bên phải quy định rằng trong các thủ tục tố tụng dân sự, cơ quan tư pháp của mình phải có thẩm quyền ít nhất là buộc cho người xâm phạm trả cho chủ thể quyền khoản bồi thường thiệt hại thỏa đáng để đền bù cho tổn thất mà chủ thể quyền phải gánh chịu do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người đó đối với người xâm phạm nào đã thực hiện hành vi xâm phạm khi biết hoặc có cơ sở hợp lý để biết điều đó". Như vậy, về cơ bản, các quy định về căn cứ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam phù hợp với CPTPP, bao gồm phải có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thiệt hại mà chủ thể quyền phải gánh chịu vì hành vi xâm phạm đó, tức phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại xảy ra. Ở đây, yếu tố lỗi không được CPTPP cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam đề cập là một cơ sở để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Với tinh thần bảo vệ một cách tối ưu tài sản trí tuệ, các quy định như trên là phù hợp, bởi việc chứng minh yếu tố lỗi trong hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ - loại tài sản vô hình là không dễ. Hơn nữa, quyền sở hữu trí tuệ cần phải được bảo vệ tuyệt đối, dù chủ thể thực hiện hành vi với sự cố ý hay vô ý thì đều đã xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể sáng tạo đầu tiên và được pháp luật bảo vệ.

CPTPP không liệt kê thiệt hại bao gồm loại nào mà chỉ quy định những thiệt hại phải được bồi thường thỏa đáng tại khoản 3 Điều 18.74. Đây là quy định mang tính

bao quát, tất cả các thiệt hại phải được bồi thường một cách hợp lý, đầy đủ, bảo vệ cho chủ thể có quyền một cách tuyệt đối, nếu có cơ sở chứng minh điều đó. Thiết nghĩ, để phù hợp với tinh thần của CPTPP, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cần bổ sung trường hợp về bồi thường thiệt hại, theo đó, thiệt hại vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại và các thiệt hại về vật chất khác mà chủ thể bị xâm phạm phải gánh chịu.

Như vậy, để yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả của chủ thể khác gây ra, chủ thể có quyền phải chứng minh mình là chủ thể được bảo hộ quyền tác giả và quyền này đang bị một chủ thể xác định khác xâm phạm và chứng minh thiệt hại mình gánh chịu do hành vi xâm phạm đó gây ra.

Khoản 6 Điều 18.74 CPTPP quy định: "Trong thủ tục tố tụng dân sự, đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm, bản ghi âm hoặc buổi biểu diễn, mỗi bên phải thiết lập hoặc duy trì một hệ thống có một hoặc nhiều quy định dưới đây:

- a. Các khoản bồi thường thiệt hại định trước để chủ thể quyền có thể lựa chọn;
- b. Các khoản bồi thường thiệt hại bổ sung".

Theo đó, các khoản bồi thường bổ sung có thể bao gồm khoản tiền phạt để cảnh cáo hoặc trừng phạt. Nhìn chung, các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng tạo hành lang pháp lý mở đường cho quy định về quyền lựa chọn khoản bồi thường thiệt hại của chủ thể có quyền khi cho phép chủ thể có quyền có quyền chứng minh mức thiệt hại yêu cầu bồi thường, trong đó có cả "thiệt hại vật chất theo các cách tính khác". Tuy nhiên, việc giới hạn mức bồi thường thiệt hại về tinh thần (từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng) và mức bồi thường thiệt hại tối đa về vật chất do Tòa án ấn định (500 triệu đồng) là chưa thể hiện được tinh thần "thiệt hại phải được bồi thường thỏa đáng" của CPTPP. Do đó, theo tác giả, Luật Sở hữu trí tuệ

Việt Nam không nên quy định các giới hạn này, các thiệt hại sẽ được bồi thường khi nó được chứng minh một cách cụ thể, hợp lý.

Mặt khác, các khoản bồi thường thiệt hại bổ sung mà CPTPP quy định cũng cần thiết được cụ thể hóa vào pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, đây được xem là một giải pháp răn đe những chủ thể có ý định thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao mức bảo vệ tài sản trí tuệ của chủ thể có quyền.

- Trách nhiệm hình sự

Khoản 1 Điều 18.77 CPTPP quy định: Mỗi bên phải quy định các thủ tục và hình phạt hình sự để áp dụng ít nhất trong các trường hợp cố ý làm giả nhãn hiệu hoặc sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan ở quy mô thương mại. Đối với việc cố ý sao lậu quyền tác giả hoặc quyền liên quan, "quy mô thương mại" ít nhất bao gồm: (a) Các hành vi thực hiện để đạt được lợi thế thương mại hoặc thu lợi tài chính; (b) Các hành vi không phải thực hiện để đạt được lợi thế thương mại hoặc thu lợi tài chính, nhưng có gây hại một cách đáng kể tới lợi ích của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan liên quan đến thị trường. Theo tinh thần của CPTPP, để bảo vệ quyền tác giả một cách tối ưu, việc hình sự hóa đối với các hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền tác giả là vấn đề cần thiết. Pháp luật hình sự Việt Nam cũng quy định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan có thể bị xem là tội phạm (tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi). Như vậy, nhìn chung, pháp luật hình sự Việt Nam đã có những quy định phù hợp với xu thế chung của quốc tế, quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng phải được tôn trọng và bảo vệ một cách tối đa.

Các quy định về trách nhiệm pháp lý là công cụ hữu hiệu để thực thi việc bảo vệ tài sản trí tuệ của chủ thể có quyền, thúc đẩy việc sáng tạo của các chủ thể. Do đó, trong việc hợp tác, thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó có CPTPP, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cần có những sửa đổi để phù hợp và thích nghi với xu

hướng chung trong sự phát triển của thế giới.

3. Kiến nghị

Để phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã gia nhập và ký kết và cũng để phù hợp với tình hình thực tế khi khoa học, công nghệ phát triển lại đặt ra những thách thức mới đối với vấn đề bảo hộ quyền tác giả và luật bảo hộ quyền tác giả phải thay đổi để đáp ứng các thách thức mới⁹. Theo đó, tác giả đề xuất sửa đổi một số vấn đề cụ thể như sau:

Thứ nhất, sửa tên Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ thành "Một số loại hình tác phẩm cụ thể được bảo hộ" để tương thích với Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ và Công ước Berne.

Thứ hai, vì Luật Sở hữu trí tuệ đã quy định sự độc quyền của chủ thể quyền tác giả tại Điều 19 và Điều 20 và một số sử dụng ngoại lệ tại Điều 25, nên bất kỳ chủ thể nào khác sử dụng tác phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền tác giả hoặc trường hợp pháp luật quy định thì sẽ là xâm phạm quyền tác giả.

Do đó, nên sửa tên của Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ thành "Một số hành vi phổ biến xâm phạm quyền tác giả".

Thứ ba, các hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ chỉ mang tính chất liệt kê mà chưa có sự giải thích cụ thể. Do đó, việc áp dụng các quy định này để xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả trên thực tế trở nên khó khăn, chủ yếu định nghĩa các hành vi theo nghĩa thông thường. Vì vậy, cần có những quy định cụ thể giải thích về hành vi xâm phạm quyền tác giả. Một trong những cơ chế rất hiệu quả hiện nay mà chúng ta đang xây dựng là hệ thống án lệ. Có thể từng hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu được quy định quá chi tiết trong luật hay các văn bản hướng dẫn thì việc áp dụng chưa thực sự tốt, nhưng nếu có hệ thống án lệ về quyền tác giả thì có thể giải quyết hữu hiệu vấn đề này. Đây cũng chính là cơ chế bảo hộ được xây dựng bởi nhiều quốc gia phát triển hiện nay □

1. Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan thì: "Tin tức thời sự thuần túy đưa tin quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ là các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, chỉ mang tính chất đưa tin không có tính sáng tạo".

2. Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP quy định: "Văn bản hành chính quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật".

3. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, Chủ biên: Lê Minh Tâm và Nguyễn Minh Đoan, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2013, tr. 206.

4. Nguyễn Bình và Nguyễn Thị Chính, Bình luận về quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam, Nxb. Tư pháp, 2005, tr. 104.

5. Nguyễn Ngọc Xuân Thảo (2013), Luật Sở hữu trí tuệ - Ấn lệ, lý thuyết và bài tập vận dụng, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 360.

6. Nguyễn Hồ Bích Hằng (chủ biên) (2019), Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, tr. 137.

7. Trích dẫn theo bản dịch Công ước Berne tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/so-huu-tri-tue/Cong-uoc-Berne-bao-ho-tac-pham-van-hoc-nghe-thuat-60106.aspx> (cập nhật ngày 18/02/2020).

8. Trích dẫn theo bản dịch tại <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/hiiep-dinh-CPTPP/19184/toan-van-hip-dinh-cptpp-ban-tieng-viet> (cập nhật ngày 18/02/2020).

9. Vũ Thị Phương Lan, (2018), Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 33.